

Bản án số: 167/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2024
V/v “Ly hôn giữa bà T1 với ông T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đ Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 282/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 256/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Trọng T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thới An, xã Thới Thuận, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

*** Bi đơn:** Trần Kiều T1, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thới An, xã Thới Thuận, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/5/2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trần Trọng T trình bày:

Ông Trần Trọng T với bà Trần Kiều T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, hai bên đã ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện BÐ, tỉnh

Bến Tre . Sau khi cưới, thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau. Ông Tcố gắng hàn gắn, thuyết phục bà T1 để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, tuy nhiên không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ, chồng không còn. Vợ chồng ông T, bà T1 đã sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Hiện tại, ông T không còn tình cảm vợ chồng với bà T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Kiều T1.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Trần Khải Đ, sinh ngày 17/02/2015. Sau khi ly hôn, ông Trần Trọng Tyêu cầu bà Trần Kiều T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khải Đ. Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Trần Kiều T1 trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T1 đều vắng mặt không có lý do, mặc dù bà T1 vẫn còn đang sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai, ý kiến hay yêu cầu của bà T1.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Trần Trọng T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Trần Kiều T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Trọng T đối với bà Trần Kiều T1.

Về nuôi con chung: Bà Trần Kiều T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Khải Đ, sinh ngày 17/02/2015 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ trên 07 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trọng Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Kiều T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Trọng Tkhai không có, bà Trần Kiều T1 cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Trọng Tcó đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Trần Kiều T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Trọng Tvới bà Trần Kiều T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, hai bên có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Toà án đã triệu tập ông Tvới bà T1 để tiến hành hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do, đồng thời ông Tcũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ, chồng giữa ông T với bà T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Trần Trọng Tlà có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Trần Khải Đ, sinh ngày 17/02/2015, hiện tại đang sống chung với bà Trần Kiều T1, do đó cần giao cháu Trần Khải Đ để bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Đ, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ trên 07 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Trần Trọng Tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Kiều T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Khải Đ đủ 18 tuổi (Thành niên).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tkhai không có, bà T1 cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con, ông Trần Trọng Tphải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 482, Điều 485 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Trọng Tvới bà Trần Kiều T1.

Cho ly hôn giữa ông Trần Trọng Tvới bà Trần Kiều T1.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Trọng Tvới bà Trần Kiều T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Bà Trần Kiều T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Khải Đ, sinh ngày 17/02/2015 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ trên 07 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận việc ông Trần Trọng T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Kiều T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Khải Đ đủ 18 tuổi (Thành niên).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tkhông trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà T1 trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trọng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng ông Trần Trọng T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005775 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, ông Trần Trọng T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự Trần Trọng T, Trần Kiều T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã Thới Thuận
(Số 16, quyền 1/2024);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi

